

GLOBAL DATA SERVICE JSC.
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
SỐ LIỆU TOÀN CẦU

-----***-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, 24/06/2022

Số/No.: 66/HDQT-GDS22

SUBMISSION TỜ TRÌNH

Sub.: Supplement and update business lines, Charter amendment
Về việc: Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh, sửa đổi Điều lệ

To: General Meeting of Shareholders – Global Data Service JSC.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông - Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn Cầu

Pursuant to/Căn cứ:

- Business Registration 8th revision No.0102669569 issued on 21st August, 2020 by Hanoi Department of Planning and Investment;
Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 0102669569 (sửa đổi lần 8) ngày 21/8/2020 do Sở Kế hoạch đầu tư và phát triển Hà Nội cấp;
- The Charter of Operation and Organization of Global Data Service Joint Stock Company (GDS) signed on 13th December 2007 and its supplementary;
Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu (GDS) ký ngày 13/12/2007 và các sửa đổi, bổ sung;
- Resolution of Board of Management No. 65/HDQT-GDS22 issued on 24/June/2022.
Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 65/HDQT-GDS22 ban hành ngày 24/6/2022.

In order to update business lines (which was registered to Hanoi Department of Planning and Investment) according to the Industry System according to Decision No. 27/2018/QĐ-TTg dated January 23, 2018 of the Prime Minister; and to add new business lines to prepare for future expansion of business activities and to create favorable conditions in the business operations and to comply with the provisions of the law, Global Data Service JSC. proposes to update and supplement the business lines for company as bellows (This update and supplement of this business lines is still in the scope of the business as specified in Article 5.2 of the Company's Charter signed on December 13, 2007)

Để cập nhật ngành nghề kinh doanh (đã được đăng ký với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) theo Hệ thống ngành nghề theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 23/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ; bổ sung ngành nghề mới để chuẩn bị cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh về sau và để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh và tuân thủ theo

quy định của pháp luật, Công ty Cổ phần Dịch vụ Số liệu Toàn cầu đề xuất xin cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh cho công ty như sau (Việc cập nhật, bổ sung ngành nghề này vẫn thuộc phạm vi lĩnh vực kinh doanh như quy định tại Điều 5.2 trong Điều lệ Công ty ký ngày 13/12/2007):

1. Supplement and update business lines/Bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh:

a) Supplement and update business lines as follows/Bổ sung, cập nhật ngành, nghề kinh doanh sau:

No. STT	Name of business line was supplement and updated <i>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung, cập nhật</i>	Business Code <i>Mã ngành</i>	Main business lines <i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
1.	Data processing, leasing and related activities <i>Detail:</i> - Data processing services, portals and related services. - Web Hosting service - Application / Software provisioning service - Datacenter Services: including collocation service, connectivity service together with related infrastructure for telecom infrastructure, power supply, air conditioning and other related equipment and services in accordance with Vietnamese law. - Other services of the Datacenter: including IT solution consultant services, system integration, trading (purchase and sale) of materials and equipment for the project, consulting, supply and installation, connecting data centers/information technology systems and disaster recovery services in accordance with the Laws of Vietnam. - Other excepted service related to IT infrastructure Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ xử lý dữ liệu, cổng thông tin và các dịch vụ có liên quan. - Dịch vụ cho thuê web. - Dịch vụ cung cấp các ứng dụng. - Dịch vụ cơ bản trung tâm dữ liệu: bao gồm dịch vụ cho thuê không gian hoặc vị trí, kèm theo hạ tầng về băng thông/kênh truyền dẫn, nguồn điện, điều hòa, không gian phòng máy và các thiết bị khác cùng với dịch vụ liên quan tuân theo pháp luật Việt Nam. - Dịch vụ khác của trung tâm dữ liệu: bao gồm các	6311	X (Chính)

No. STT	Name of business line was supplement and updated <i>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung, cập nhật</i>	Business Code <i>Mã ngành</i>	Main business lines <i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
	<i>dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin tổng thể, tích hợp hệ thống, mua bán vật tư thiết bị phục vụ dự án, tư vấn, cung cấp lắp đặt, kết nối các trung tâm dữ liệu/hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ phục hồi sau thảm họa theo quy định của Luật pháp Việt Nam.</i> <i>- Dịch vụ cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin khác.</i>		
2.	Wired telecommunication operations <i>Detail:</i> <i>- Basic of telecommunications services: Data transmission services; Private leased lines service; Video transmission service; Video conferencing services; Internet connection service; Virtual private network service; International telephone service to Vietnam using IP protocol (excluding the provision of services to end users in Vietnam);</i> <i>- Value-added telecommunications services: E-mail Hosting services; Voicemail service; Value added fax service; internet access services, including narrowband Internet access services with information download speeds lower than 256kb/s and broadband Internet access services with download speeds of 256 kb/s or higher;</i> <i>- Additional telecommunication services: Service of hiding call numbers; Number capture service; Call waiting service; Call forwarding service; Call blocking service; the speed dial-up service</i> Hoạt động viễn thông có dây <i>Chi tiết:</i> <i>- Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kết nối Internet; Dịch vụ mạng riêng ảo; Dịch vụ điện thoại chiều quốc tế về Việt Nam sử dụng giao thức IP (không bao gồm việc cung cấp dịch vụ tới người dùng đầu cuối tại Việt Nam);</i> <i>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư</i>	6110	

No. STT	Name of business line was supplement and updated <i>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung, cập nhật</i>	Business Code <i>Mã ngành</i>	Main business lines <i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
	<i>điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax gia tăng giá trị; dịch vụ truy nhập internet, gồm dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256kb/s và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên;</i> <i>- Dịch vụ viễn thông cộng thêm: Dịch vụ giấu số gọi; Dịch vụ bắt số; Dịch vụ chờ cuộc gọi; Dịch vụ chuyển cuộc gọi; Dịch vụ chặn cuộc gọi; Dịch vụ quay số tắt.</i>		
3.	Wireless telecommunications operations <i>Detail:</i> <i>- Basic of telecommunications services: Data transmission services; Private leased line service; Video transmission service; Video conferencing services; Internet connection service; Virtual private network service; International telephone service to Vietnam using IP protocol (excluding the provision of services to end users in Vietnam);</i> <i>- Value-added telecommunications services: E-mail services; Voicemail service; Value added fax service; internet access services, including narrowband Internet access services with information download speeds lower than 256kb/s and broadband Internet access services with download speeds of 256 kb/s or higher;</i> <i>Additional telecommunications services: Service of hiding call numbers; Number capture service; Call waiting service; Call forwarding service; Call blocking service; the speed dial-up service</i> <i>Hoạt động viễn thông không dây</i> <i>Chi tiết:</i> <i>- Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kết nối Internet; Dịch vụ mạng riêng ảo; Dịch vụ điện thoại chiều quốc tế về Việt Nam sử dụng giao thức IP (không bao gồm việc cung cấp dịch vụ tới</i>	6120	

No. STT	Name of business line was supplement and updated <i>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung, cập nhật</i>	Business Code <i>Mã ngành</i>	Main business lines <i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
	người dùng đầu cuối tại Việt Nam); - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; dịch vụ truy nhập internet, gồm dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256kb/s và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên; - Dịch vụ viễn thông cộng thêm: Dịch vụ giấu số gọi; Dịch vụ bắt số; Dịch vụ chờ cuộc gọi; Dịch vụ chuyển cuộc gọi; Dịch vụ chặn cuộc gọi; Dịch vụ quay số tắt.		
4.	Other telecommunications activities <i>Detail:</i> - Internet access point - Other un-classified telecommunications service; Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết:</i> - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Hoạt động viễn thông khác chưa phân vào đâu;	6190	
5.	IT consulting and IT Administration service Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
6.	Activities of information technology services and other services related to computers Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	
7.	Other un-classified telecommunications services Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu	6399	

No. STT	Name of business line was supplement and updated <i>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung, cập nhật</i>	Business Code <i>Mã ngành</i>	Main business lines <i>Ngành, nghề kinh doanh chính</i>
8.	Retail services (exclude selling for cars, motorcycles, motorbikes and other motor vehicles) <i>Details: Trading in telecommunications-information technology products and services; materials, equipment, software in the fields of electricity, electronics, telecommunications, information technology</i> Dịch vụ bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) <i>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông-công nghệ thông tin; vật tư, trang thiết bị, phần mềm thuộc các lĩnh vực điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin</i>	4700	
9.	Wholesale of computers, IT equipment and software <i>Details: Trading in computer products, services, IT equipment and software</i> Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm <i>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm</i>	4651	
10.	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
11.	Leasing machinery, equipment and other tangible goods without operator. <i>Details: Rental of machinery, equipment and supplies, specialized in electricity, electronics, telecommunications, information technology</i> Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, vật tư, chuyên ngành điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin</i>	7730	

b) Cancel the following business lines/Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:

STT	Names of business lines are removed from the registered list Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành	Ghi chú
1.	Other telecommunications activities <i>Detail:</i> - Trading in non-infrastructure telecommunication services Hoạt động viễn thông khác <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng	6190	
2.	Activities of information technology services and other services related to computers <i>Detail:</i> - Installation, operation, exploitation and maintenance of equipment systems and networks; - Providing consulting services, technical solutions on data services; - Establishing and operating data centers, providing data storage and data processing services (except for information banned by the State and investigation services). Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính <i>Chi tiết:</i> - Lắp đặt, vận hành, khai thác, bảo dưỡng hệ thống thiết bị và mạng tin học; - Cung cấp các dịch vụ tư vấn, các giải pháp kỹ thuật về dịch vụ số liệu; - Thiết lập và điều hành các trung tâm số liệu, kinh doanh các dịch vụ lưu trữ, xử lý số liệu (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	6209	

2. Amendment the company's Charter/Sửa đổi Điều lệ

Amend the company's Charter in accordance with the update and supplement of business lines as above. Details of amendments according to the draft Charter Amendment as attached.

Sửa đổi điều lệ công ty phù hợp với việc cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh như trên đây. Chi tiết sửa đổi theo dự thảo Sửa đổi Điều lệ như đính kèm.

3. Authorize the Board of Management and Board of Directors to perform the following tasks related to the procedures for supplementing and updating business lines:

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh như sau:

- Issue the Amendment of the Charter as approval of General Meeting of Shareholders.
Ban hành Phụ lục sửa đổi Điều lệ đã được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.
- Perform legal procedures related to the addition and update of business lines approved by the General Meeting of Shareholders
Thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc bổ sung, cập nhật ngành nghề kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Perform related work to ensure that supplement and updates do not affect the company's business operations.

Thực hiện các công việc liên quan nhằm đảm bảo việc bổ sung, cập nhật không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Attachment/Tài liệu gửi kèm:

1. Draft of Charter Amendment/ Dự thảo Phụ lục Sửa đổi Điều lệ lần 5.

We look forward General Meeting of Shareholder consideration and approval.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch Hội đồng quản trị



TAKASHI NOGAMI

Fifth Amendment to Charter of Organization and Operation of Global Data Service Joint Stock Company

(This Amendment replace the Article 5 of the Charter of Organization and Operation dated 13th December 2007 based on the Resolution of 1st Extraordinary General Shareholder Meeting of 2022 issued on/...../2022)

CHAPTER V

CAPITAL, SHARES AND SHARE CERTIFICATES

Article 5: Objectives and Scope of Business of the Company

1. The objectives of the Company shall include:
 - a. Engaging in the business set out in Article 5.2 of this Charter in order to maximize profits of the Company and to ensure the best economic effect for its shareholders;
 - b. Improving working conditions, upgrading income and life quality of employees of the Company; and
 - c. Contributing to state budget pursuant to the Laws of Vietnam.
2. The scope of business of the Company shall be as follows:
 - 2.1 Scope of strategic business
 - Establishing and operating data centers;
 - Providing data hosting and processing services;
 - Providing consultation services, design services and technical solutions relating to data services;
 - Operating, developing and maintaining equipment systems;
 - Installing IT and telecommunications equipment systems and networks;
 - Providing assistance and support to its customers; and
 - Engaging in other business incidental to any of the above.

2.2 Business lines

No. STT	Name of business line was supplement and updated	Business Code	Main business lines
1.	Data processing, leasing and related activities <i>Detail:</i> - Data processing services, portals and related services. - Web Hosting service	6311	X (Main)

No. STT	Name of business line was supplement and updated	Business Code	Main business lines
	- Application / Software provisioning service - Datacenter Services: including collocation service, connectivity service together with related infrastructure for telecom infrastructure, power supply, air conditioning and other related equipment and services in accordance with Vietnamese law. - Other services of the Datacenter: including IT solution consultant services, system integration, trading (purchase and sale) of materials and equipment for the project, consulting, supply and installation, connecting data centers/information technology systems and disaster recovery services in accordance with the Laws of Vietnam. - Other excepted service related to IT infrastructure		
2.	Wired telecommunication operations <i>Detail:</i> - Basic of telecommunications services: Data transmission services; Private leased lines service; Video transmission service; Video conferencing services; Internet connection service; Virtual private network service; International telephone service to Vietnam using IP protocol (excluding the provision of services to end users in Vietnam); - Value-added telecommunications services: E-mail Hosting services; Voicemail service; Value added fax service; internet access services, including narrowband Internet access services with information download speeds lower than 256kb/s and broadband Internet access services with download speeds of 256 kb/s or higher; - Additional telecommunication services: Service of hiding call numbers; Number capture service; Call waiting service; Call forwarding service; Call blocking service; the speed dial-up service	6110	
3.	Wireless telecommunications operations <i>Detail:</i> - Basic of telecommunications services: Data transmission services; Private leased line service; Video transmission service; Video conferencing services; Internet connection service; Virtual private network service; International telephone service to Vietnam using IP protocol (excluding the provision of services to end users in Vietnam);	6120	

No. STT	Name of business line was supplement and updated	Business Code	Main business lines
	- Value-added telecommunications services: E-mail services; Voicemail service; Value added fax service; internet access services, including narrowband Internet access services with information download speeds lower than 256kb/s and broadband Internet access services with download speeds of 256 kb/s or higher; Additional telecommunications services: Service of hiding call numbers; Number capture service; Call waiting service; Call forwarding service; Call blocking service; the speed dial-up service		
4.	Other telecommunications activities Detail: - Internet access point - Other un-classified telecommunications service	6190	
5.	IT consulting and IT Administration service	6202	
6.	Activities of information technology services and other services related to computers	6209	
7.	Other un-classified telecommunications services	6399	
8.	Retail services (exclude selling for cars, motorcycles, motorbikes and other motor vehicles) Details: Trading in telecommunications-information technology products and services; materials, equipment, software in the fields of electricity, electronics, telecommunications, information technology	4700	
9.	Wholesale of computers, IT equipment and software Details: Trading in computer products, services, IT equipment and software	4651	
10.	Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components	4652	
11.	Leasing machinery, equipment and other tangible goods without operator. Details: Rental of machinery, equipment and supplies, specialized in electricity, electronics, telecommunications, information technology	7730	

3. The Company shall have the power to carry out business activities and do all such things in accordance with the Certificate of Business Registration, and the Laws of Vietnam and other applicable laws and regulations as are in the interests of the Company or the business which it is authorized to conduct, in order to achieve the objectives of the Company.

Date: / /2022

**ON BEHALF OF
GENERAL MEETING OF SHAREHOLDER – GLOBAL DATA SERVICE JSC.**

BOM CHAIRMAN

TAKASHI NOGAMI

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI LẦN 5
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SỐ LIỆU TOÀN CẦU

(Phụ lục này sửa đổi Điều 5 của Điều lệ Công ty ký ngày 13/12/2007 căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ nhất năm 2022 ban hành ngày/...../2022)

CHƯƠNG III
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Điều 5: Mục tiêu và lĩnh vực kinh doanh của Công ty

1. Các mục tiêu của Công ty bao gồm:
 - a. Thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ của Công ty đề ra tại điều 5.2 nhằm tối đa hoá các nguồn lợi nhuận có thể có được của Công ty, đảm bảo lợi ích kinh tế tốt nhất cho các cổ đông;
 - b. Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty; và
 - c. Đóng góp cho ngân sách nhà nước theo Luật Việt Nam.
2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - 2.1 Lĩnh vực kinh doanh chiến lược:
 - Thiết lập và điều hành các trung tâm dữ liệu;
 - Kinh doanh các dịch vụ lưu trữ, xử lý dữ liệu.
 - Cung cấp các dịch vụ Tư vấn, thiết kế, cung cấp các giải pháp kỹ thuật về dịch vụ dữ liệu;
 - Vận hành, khai thác, bảo dưỡng hệ thống thiết bị và mạng lưới;
 - Lắp đặt thiết bị hệ thống và mạng lưới viễn thông, tin học.
 - Xây lắp mạng truyền số liệu, viễn thông, tin học
 - Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ khách hàng; và
 - Thực hiện các dịch vụ thứ cấp khác có liên quan đến các hoạt động kể trên

2.2 Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
1.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ xử lý dữ liệu, cổng thông tin và các dịch vụ có liên quan. - Dịch vụ cho thuê web. - Dịch vụ cung cấp các ứng dụng. - Dịch vụ cơ bản trung tâm dữ liệu: bao gồm dịch vụ cho thuê không gian hoặc vị trí, kèm theo hạ tầng về băng thông/kênh truyền dẫn, nguồn điện, điều hòa, không gian phòng máy và các thiết bị khác cùng với dịch vụ liên quan tuân theo pháp luật Việt Nam. - Dịch vụ khác của trung tâm dữ liệu: bao gồm các dịch vụ giải pháp công nghệ thông tin tổng thể, tích hợp hệ thống, mua bán vật tư thiết bị phục vụ dự án, tư vấn, cung cấp lắp đặt, kết nối các trung tâm dữ liệu/hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ phục hồi sau thảm họa theo quy định của Luật pháp Việt Nam. - Dịch vụ cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin khác	6311	X (Chính)
2.	Hoạt động viễn thông có dây <i>Chi tiết:</i> - Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kết nối Internet; Dịch vụ mạng riêng ảo; Dịch vụ điện thoại chiều quốc tế về Việt Nam sử dụng giao thức IP (không bao gồm việc cung cấp dịch vụ tới người dùng đầu cuối tại Việt Nam); - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; dịch vụ truy nhập internet, gồm dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256kb/s và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên; - Dịch vụ viễn thông cộng thêm: Dịch vụ giấu số gọi; Dịch vụ bắt số; Dịch vụ chờ cuộc gọi; Dịch vụ chuyển cuộc gọi; Dịch vụ chặn cuộc gọi; Dịch vụ quay số tắt.	6110	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
3.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông cơ bản: Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ kênh thuê riêng; Dịch vụ truyền hình ảnh; Dịch vụ hội nghị truyền hình; Dịch vụ kết nối Internet; Dịch vụ mạng riêng ảo; Dịch vụ điện thoại chiều quốc tế về Việt Nam sử dụng giao thức IP (không bao gồm việc cung cấp dịch vụ tới người dùng đầu cuối tại Việt Nam); - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax giá tăng giá trị; dịch vụ truy nhập internet, gồm dịch vụ truy nhập Internet băng hẹp có tốc độ tải thông tin xuống thấp hơn 256kb/s và dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên; - Dịch vụ viễn thông cộng thêm: Dịch vụ giấu số gọi; Dịch vụ bắt số; Dịch vụ chờ cuộc gọi; Dịch vụ chuyển cuộc gọi; Dịch vụ chặn cuộc gọi; Dịch vụ quay số tắt.	6120	
4.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet; - Hoạt động viễn thông khác chưa phân vào đâu;	6190	
5.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202	
6.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209	
7.	Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu	6399	
8.	Dịch vụ bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ viễn thông-công nghệ thông tin; vật tư, trang thiết bị, phần mềm thuộc các lĩnh vực điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin	4700	
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651	
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652	
11.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730	

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính
	<i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị, vật tư, chuyên ngành điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin</i>		

3. Công ty có quyền tiến hành các hoạt động kinh doanh và tất cả các hoạt động theo quy định của Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, Luật Việt Nam, các luật và quy định áp dụng khác, vì lợi ích của Công ty hoặc việc kinh doanh được ủy quyền thực hiện, để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Ngày:/...../2022

THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG - CÔNG TY CP DỊCH VỤ SỐ LIỆU TOÀN CẦU
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TAKASHI NOGAMI

